

Bản án số: 13/2017/DS-ST  
Ngày: 18+22/8/2017  
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Quang Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Đình Đạt

2. Bà Phạm Thị Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Ánh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 18+22 tháng 8 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số 143/2016/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2016 về việc: Tranh chấp chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2017/QĐXX-ST ngày 26 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 65/3017/QĐST-DS ngày 18/7/2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1945**

Địa chỉ: Phố K, thôn GT, xã KS, huyện GL, Hà Nội (Có mặt)

**Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà L là bà: Nguyễn Thị Th**

Luật sư Công ty Luật TNHH Một thành viên HH, Đoàn Luật sư TP Hà Nội (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án)

**Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1948**

Địa chỉ: tổ 1, SĐ, LB, Hà Nội (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 05/7/2016 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bố đẻ tôi là Nguyễn Mậu U, mất năm 1948 và mẹ đẻ tôi là Nguyễn Thị C, mất ngày 01/6/2016. Bố mẹ tôi có 02 người con đẻ là:

- Nguyễn Thị L (tôi)
- Nguyễn Thị D

Ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Mẹ tôi mất đi để lại khối tài sản là 700.000.000 đồng (bảy trăm triệu đồng), hiện bà Nguyễn Thị D (em gái tôi – bị đơn) đang là người quản lý số tiền trên.

Nguồn gốc số tiền trên là do năm 2008 mẹ tôi có bán tài sản riêng của mẹ là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 28, diện tích 471m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố K, xã KS, GL, Hà Nội (đất này mẹ tôi đã được UBND huyện GL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 038601 ngày 29/5/2007 mang tên mẹ tôi Nguyễn Thị C), mẹ tôi đã bán cho anh Nguyễn Đức M và vợ là Trần Bích L. Địa chỉ: Phố K, GT, KS, GL, Hà Nội được số tiền là 700.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán đất mẹ tôi đã gửi cho bà Nguyễn Thị D (em gái tôi) cất giữ; việc gửi tiền không có văn bản, giấy tờ gì. Nhưng tôi có căn cứ chứng M bà D đang cầm số tiền trên đó là: Thông báo số 54/TB-CQĐT ngày 09/12/2013 của Cơ quan điều tra Công an huyện GL có khẳng định: “Số tiền 700.000.000 đồng bán đất bà C giao cho con gái là Nguyễn Thị D cất giữ”.

Sau khi gửi bà D giữ số tiền trên, mẹ tôi đã nhiều lần đòi lại nhưng bà D không trả nên đã gửi đơn tố cáo đến Công an huyện GL, tại cơ quan điều tra Công an huyện GL bà D cũng đã thừa nhận cầm số tiền 700.000.000 đồng của mẹ tôi nhưng vẫn không trả. Ngày 10/12/2015 mẹ tôi đã làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị D để đòi số tiền nói trên và ủy quyền cho tôi tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý, quá trình giải quyết mẹ tôi mất, tôi là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của mẹ tôi nên tôi đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Việc rút đơn là để khởi kiện lại vụ án chia thừa kế. Ngày 05/7/2016 tôi làm đơn khởi kiện chia thừa kế số tiền trên.

Tôi khẳng định số tiền 700.000.000 đồng bán đất của mẹ tôi hiện bà Nguyễn Thị D đang là người quản lý. Mẹ tôi mất đi không để lại di chúc. Ngoài số tiền 700.000.000 đồng, mẹ tôi không còn di sản nào khác.

Tôi là người chăm sóc, phụng dưỡng mẹ khi về già, lúc ốm đau và lo ma chay, cúng lễ khi mẹ tôi mất.

Nay, tôi yêu cầu chia thừa kế di sản của mẹ tôi để lại là 700.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

**\* Bị đơn bà Nguyễn Thị D** mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án để giải quyết cũng như trình bày nguyện vọng của mình trước yêu cầu của nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn kiên quyết không đến.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/1/2017 bà D khai: Bố tôi là Nguyễn Mậu U, mất năm 1948; Mẹ tôi là Nguyễn Thị C, mất ngày 01/6/2016. Có hay không để lại di chúc tôi không biết. Bố mẹ tôi có 02 con là Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị D. Ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác.

Việc bà L khởi kiện yêu cầu chia thừa kế 700.000.000 đồng, về khoản tiền này nói có cũng không phải mà không có cũng không phải, của mẹ thì phục vụ cho mẹ. Nay bà L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà L không trình bày gì thêm cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**Người bào bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu quan điểm:** Nguồn gốc di sản là do năm 2008 cụ Nguyễn Thị C có bán tài sản riêng của cụ là thửa đất số 20, tờ bản đồ số 28, diện tích 471m<sup>2</sup> tại địa chỉ phố K, xã KS, GL, Hà Nội (đất này cụ C đã được UBND huyện GL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 038601 ngày 29/5/2007), cụ C đã bán cho anh Nguyễn Đức M và vợ là Trần Bích L được số tiền trên là 700.000.000 đồng. Toàn bộ số tiền bán đất cụ C đã gửi cho bà Nguyễn Thị D cất giữ. Sau khi gửi bà D giữ số tiền, cụ C đòi lại không được nên đã gửi đơn tố cáo đến Công an huyện GL, quá trình giải quyết đơn của cụ C, tại cơ quan điều tra Công an huyện GL bà D đã thừa nhận cầm số tiền 700.000.000 đồng nói trên nhưng đã chi cho các con cháu và chi tiêu cá nhân hết. Tuy nhiên, bà D không chứng M được đã chi tiêu số tiền trên vào việc gì. Ngày 10/12/2015 cụ Nguyễn Thị C đã làm đơn khởi kiện bà Nguyễn Thị D để đòi số tiền nói trên, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý, quá trình giải quyết cụ C mất, bà L kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của cụ C đã rút đơn và khởi kiện lại vụ án chia thừa kế này. Vì vậy, đủ căn cứ để khẳng định bà D hiện đang cầm số tiền 700.000.000 đồng là di sản của cụ C. Hàng thừa kế thứ 1 của cụ C là bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D, ngoài ra không còn con nuôi, con riêng nào khác nên đề nghị Tòa án chia thừa kế theo quy định của pháp luật. Yêu cầu tính công sức chăm sóc, lo ma chay, cúng lễ người để lại di sản là bà Nguyễn Thị L.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên trình bày quan điểm:**

- Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Thực hiện chuyển thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát đúng quy định. Xác định chính xác tư cách tố tụng của đương sự. Thực hiện việc thu thập chứng cứ theo đúng quy định tại điều 97 BLTTDS. Thực hiện chuyển hồ sơ đảm bảo đúng quy định theo điều 220 BLTTDS. Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án. Ngoài lời khai của bà D tại Cơ quan điều tra Công an huyện GL, bà L không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào khác chứng M được việc bà D hiện đang cầm số tiền 700.000.000 đồng của cụ C nên không đủ căn cứ bà D giữ 700.000.000 đồng nói trên nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, đề nghị HĐXX bác yêu cầu khởi kiện. Án phí các đương sự phải chịu theo quy định.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

**- Về tố tụng:**

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện bà Nguyễn Thị D. Địa chỉ: số 15, ngách 803/14 NVL, tổ 1, SD, LB, Hà Nội yêu cầu chia thừa kế của mẹ là cụ Nguyễn Thị C đối với di sản là số tiền 700.000.000 đồng.

Căn cứ vào khoản 5, điều 26, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án “Tranh chấp chia thừa kế” là đúng thẩm quyền.

**- Về quan hệ huyết thống:**

Căn cứ vào lời trình bày thống nhất của các đương sự và qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận cụ Nguyễn Mậu U, mất năm 1948 và vợ là Nguyễn Thị C, mất ngày 01/6/2016 có 02 người con đẻ là: bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D. Ngoài ra không còn con nuôi, con riêng nào khác. Hàng thừa kế thứ 1 của cụ Nguyễn Thị C là bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D.

**- Về thời hiệu khởi kiện:**

Cụ Nguyễn Thị C, mất ngày 01/6/2016. Thời điểm mở thừa kế của cụ C là ngày 01/6/2016. Ngày 05/7/2016 bà Nguyễn Thị L làm đơn khởi kiện xin chia thừa kế di sản của cụ Nguyễn Thị C và nộp tại Tòa án nhân dân quận Long Biên ngày 10/10/2016. Như vậy, thời hiệu khởi kiện chia thừa kế của cụ Nguyễn Thị C vẫn còn, bà L đã khởi kiện trong thời hạn pháp luật quy định; Ngày 08/12/2016, Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý vụ án là đúng quy định.

**- Về di sản thừa kế:**

Căn cứ vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 509/MBN, quyền số 01/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 04/3/2008 tại Phòng công chứng số 2, thành phố Hà Nội được ký kết giữa bên chuyển nhượng là bà Nguyễn Thị C, bên nhận chuyển nhượng là anh Nguyễn Đức M và chị Trần Bích H thể hiện: Bà Nguyễn Thị C có thửa đất số 80, tờ bản đồ số 28, diện tích 471,7m<sup>2</sup> tại phố K, xã KS, GL, Hà Nội đã được UBND huyện GL cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 038601 ngày 29/5/2007 mang tên Nguyễn Thị C. Cụ C đã chuyển nhượng cho ông M, bà H thửa đất trên với giá 700.000.000 đồng.

Như vậy, việc cụ C có khối tài sản 700.000.000 đồng là đúng.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2013 của Công an huyện GL, ông Nguyễn Đức M là người làm chứng khẳng định: “Ngày 04/3/2008 tôi và vợ tôi là Trần Thị Bích H cùng bà C và con gái bà C là chị Nguyễn Thị D có đến Phòng công chứng số 2 làm thủ tục mua bán mảnh đất trên...”, “Số tiền 700.000.000 đồng tiền mua bán mảnh đất tôi trực tiếp giao tiền cho bà C có sự chứng kiến của chị D, con gái bà C”. Tại Biên bản lấy lời khai của người làm chứng ngày 26/6/2017 tại Tòa án nhân dân quận Long Biên ông M khai: “...Việc mua bán có lập Hợp đồng công chứng giá tiền là 700.000.000 đồng. Số tiền này tôi có giao cho hai mẹ con cụ C, bà D tại Phòng công chứng số 2. Khi giao tiền có cụ C và bà D, cụ C có đưa bà D cầm số tiền trên, sau đó ai sử dụng tôi không rõ”.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/01/2017 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, bà D chỉ khai “về khoản tiền này nói có cũng không phải mà không có cũng không phải, của cụ thì phụ vụ cho cụ (mẹ)”. Như vậy, bà không trực tiếp thừa nhận

hiện đang cầm số tiền trên nhưng có thừa nhận đã tiêu để phục vụ cho cụ C. Tuy nhiên, tại Cơ quan điều tra Công an huyện GL ngày 09/7/2013 bà D có khai: “Số tiền 700.000.000 đồng bán đất được anh M đã giao cho tôi tại nhà con gái tôi ở phường Sài Đồng...Sau khi tôi nhận tiền của anh M xong, tôi cùng anh M sang trung tâm dưỡng lão đón bà C về Phòng công chứng số 2 để làm thủ tục chuyển nhượng”. Như vậy, mặc dù địa điểm giao tiền có mâu thuẫn giữa lời khai của anh M và bà D nhưng cả hai đều thống nhất nội dung: Số tiền 700.000.000 đồng cụ C bán đất, bà D là người cầm tiền.

Như vậy, có cơ sở khẳng định số tiền 700.000.000 đồng cụ C bán đất do bà D là người cầm giữ, quản lý.

Cũng tại Biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2013 bà D khai: “Số tiền bán đất được tôi là người nắm giữ và theo ý nguyện của bà C số tiền bán đất chia cho các em, các cháu, các con trong gia đình, tôi là người cầm tiền đã tiến hành thực hiện ý nguyện của mẹ tôi, số tiền còn lại tôi góp vào chăm sóc mẹ tôi và bản thân tôi chi tiêu hết...Số tiền bán đất được còn chi tiêu các khoản công việc của mẹ tôi”. Như vậy, lời khai của bà D ngày 09/7/2013 tại Công an huyện GL phù hợp với lời khai ngày 09/01/2017 của Tòa án quận Long Biên là số tiền trên bà đã chi tiêu cho việc của cụ C. Tuy nhiên, bà D không xuất trình bất cứ tài liệu, chứng cứ gì chứng M cho việc chi tiêu này vào các khoản gì, hết bao nhiêu, còn bao nhiêu nên không có cơ sở khẳng định bà D đã chi tiêu hết số tiền trên.

Ngày 10/12/2015 cụ Nguyễn Thị C đã khởi kiện bà Nguyễn Thị D về việc Vi phạm hợp đồng gửi giữ. Trong đơn khởi kiện cụ C trình bày: "Ngày 04/3/2008 tại trụ sở Phòng công chứng số 2 thành phố Hà Nội, tôi đã lập Hợp đồng chuyển nhượng cho ông Nguyễn Đức M quyền sử dụng 471m2 đất ...với giá 700.000.000 đồng, toàn bộ số tiền này tôi giao cho con gái là Nguyễn Thị D cất giữ...Yêu cầu bà Nguyễn Thị D trả lại tôi số 700.000.000 đồng." Đơn khởi kiện nói trên cụ C đã điếm chỉ, gửi Tòa án nhân dân quận Long Biên. Ngày 12/01/2016 Tòa án nhân dân quận Long Biên đã thụ lý giải quyết vụ án. Cụ C đã ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng. Ngày 01/6/2016 cụ C mất, người đại diện theo ủy quyền và kế thừa quyền nghĩa vụ của cụ C là bà Nguyễn Thị L đã rút đơn khởi kiện để khởi kiện yêu cầu chia thừa kế nên Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 26/2016/QĐST-DS ngày 05/7/2016.

Như vậy, có cơ sở khẳng định đến khi cụ C mất, bà D vẫn chưa trả lại cụ C số tiền 700.000.000 đồng nói trên. Từ những nhận định trên, HĐXX thấy đủ cơ sở kết luận di sản cụ Nguyễn Thị C để lại là số tiền 700.000.000 đồng, hiện bà D là người đang quản lý. Nay, bà L yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ C để lại là có căn cứ cần chấp nhận.

- **Về di chúc:** Bà L trình bày cụ C không để lại di chúc đối với số tiền 700.000.000 đồng, bà D khai không biết có di chúc hay không, các đương sự không ai xuất trình tài liệu, chứng cứ gì về việc có di chúc của cụ C về số tiền trên nên đủ cơ sở kết luận cụ C không để lại di chúc. Di sản của cụ C được chia theo pháp luật.

- **Về chia thừa kế theo pháp luật:** Xét hàng thừa kế thứ 1 của cụ C gồm có bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D nên di sản sẽ được chia cho 2 đầu thừa kế là bà L và bà D.

- **Về công sức duy trì, quản lý khối tài sản và chăm sóc, lo ma chay, cúng lễ cho người để lại di sản:**

HĐXX nhận định bà Nguyễn Thị D có công sức trong việc quản lý khối tài sản của cụ C, có một thời gian ngắn chăm sóc cụ C nên trích công sức cho bà D là 50.000.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L là người chăm sóc, phụng dưỡng cụ C từ năm 2012 cho đến khi cụ C mất, bà L cũng là người lo ma chay, cúng giỗ cho cụ C nên trích công sức cho bà L là 50.000.000 đồng.

Như vậy, di sản của cụ C để lại sau khi trích công sức cho bà L và bà D là 600.000.000 đồng. Di sản trên được chia 2 kỷ phần, mỗi kỷ phần là 300.000.000 đồng.

Tổng cộng: Bà L được chia 350.000.000 đồng và bà D được chia 350.000.000 đồng.

Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, Điều 35, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 266, Điều 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Căn cứ vào các Điều 633, 634, 645, 674, 676 của Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án 2009.

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị L

2. Xác định cụ Nguyễn Thị C, mất ngày 01/6/2016. Hàng thừa kế thứ 1 của cụ C gồm bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị D

3. Xác định di sản cụ C để lại là 700.000.000 đồng hiện bà D là người đang quản lý.

4. Thừa kế theo pháp luật được chia như sau:

Chia cho bà Nguyễn Thị L được hưởng di sản thừa kế là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Chia cho bà Nguyễn Thị D được hưởng di sản thừa kế là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Hiện bà D đang quản lý toàn bộ khối di sản là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*) nên phải hoàn trả lại bà L phần di sản được hưởng là 350.000.000 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu đồng*).

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải nộp 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST, bà đã nộp 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí DSST theo biên lai 9241 ngày 08/12/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên được chuyển thành án phí, nay còn phải nộp thêm 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Bà Nguyễn Thị D phải nộp 17.500.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền án phí DSST.

*Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc khi ngời được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì bên phải thi hành án phải chịu lãi suất cơ bản đối với số tiền chía thi hành án tống ứng với thời gian chía thi hành án.*

*Trờng hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì ngời được thi hành án dân sự, ngời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự
- TAND TP HN;
- Viện kiểm sát ND Q.LB;
- Thi hành án dân sự Q.LB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán chủ tọa phiên tòa**

***Bùi Quang Dũng***